CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Siam Brothers Việt Nam

Ngày 30/06/2025	8,580 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.4%	**-6.1%**	**-**

DT thuần *Q2/25*
128 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 18.0| 16.1%
YoY: ▲ 21.0| 19.4%

LN thuần *Q2/25*
-10.9 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 1.10| 9.5%
YoY: ▼9.84| -924%

LN sau thuế *Q2/25*
-13.1 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼0.60| -4.4%
YoY: ▼8.51| -184%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
-5.2%
YoY: +/-▲ 2.9%

ROE (TTM) *Q2/25*
-10.4%
YoY: +/-▼ 2.2%

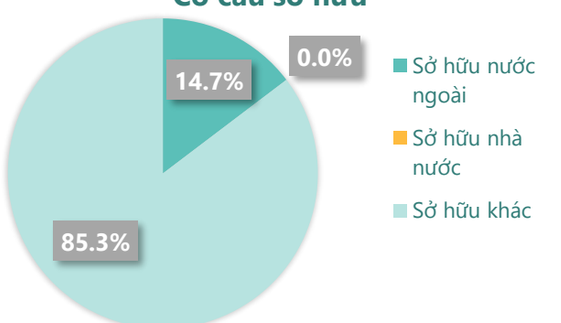
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,000 - 10,938
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	234
Số lượng CPLH (CP)	27,323,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,620
Sở hữu nước ngoài	14.7%
Beta	0.17
EPS	-1,711
P/E	-5.0

DT thuần *6T 2025*
238 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 41.0| 20.4%

LN thuần *6T 2025*
-22.8 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼15.7| -223%

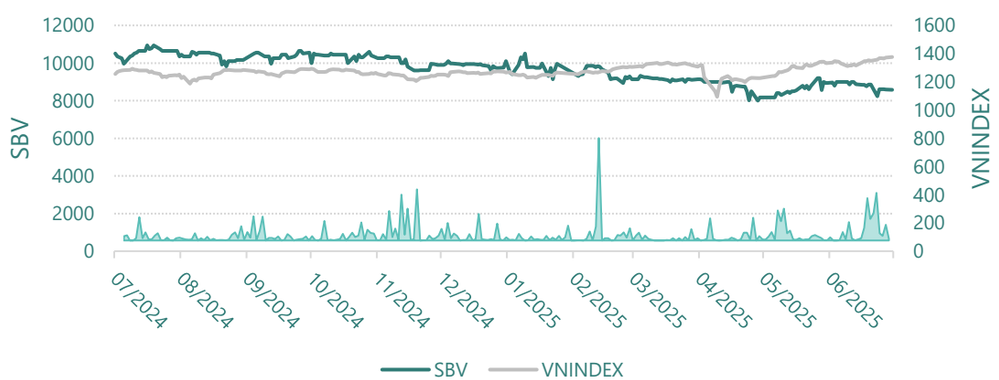
LN sau thuế *6T 2025*
-25.6 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼14.4| -129%

Cơ cấu sở hữu

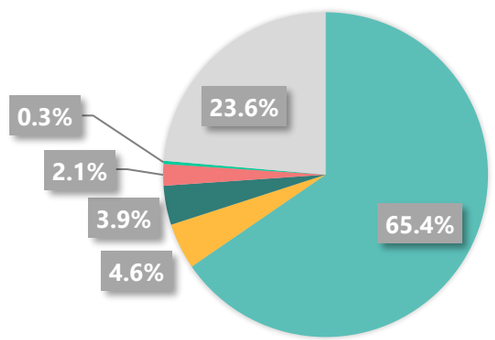


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

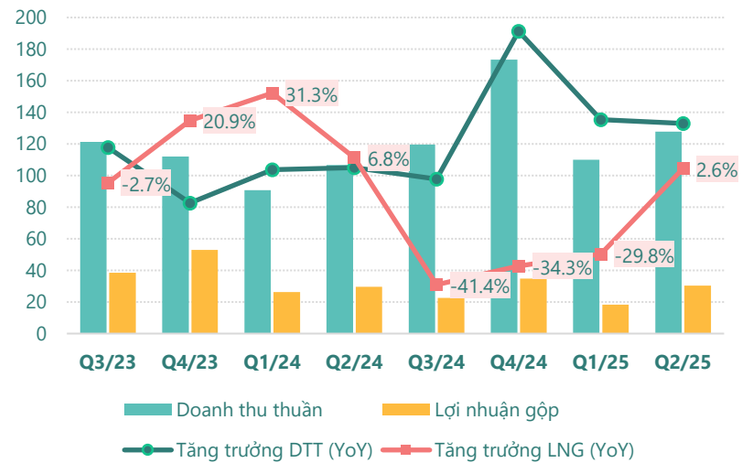


- CTCP Đầu tư Thông Minh
- Itthapat Sawatyanon (Thành viên HĐQT)
- Veerapong Sawatyanon (Chủ tịch HĐQT)
- Pratip Sawatyanon
- Vimuttiratna Sawatyanon
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

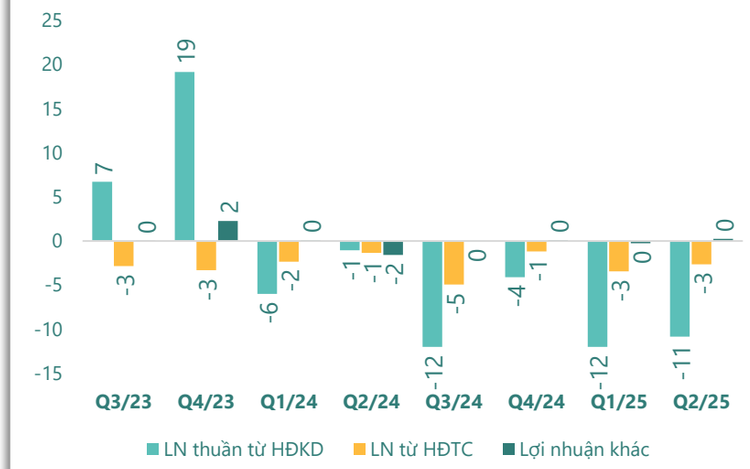
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



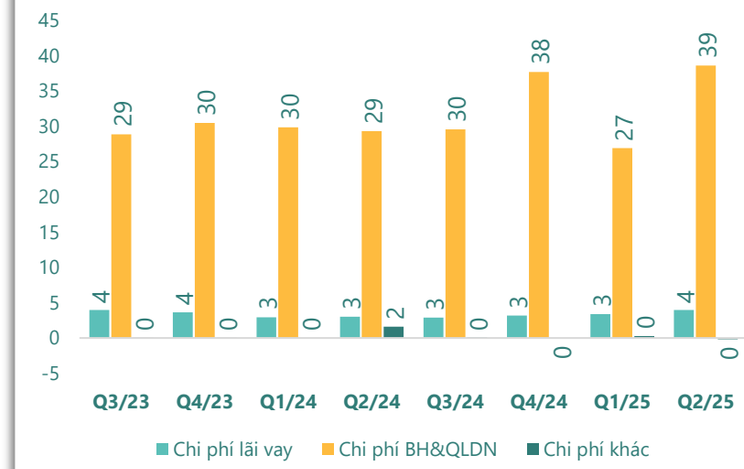
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



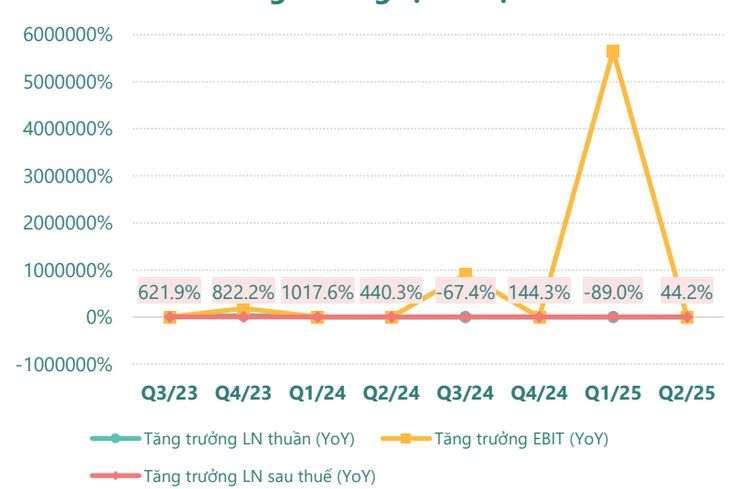
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



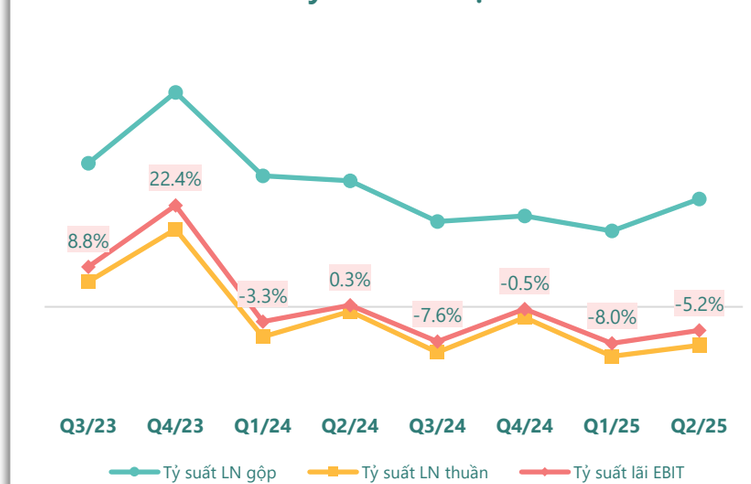
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



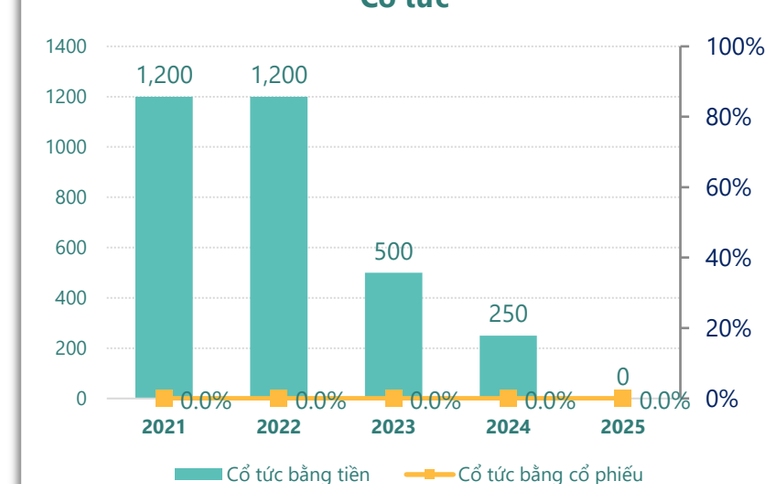
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

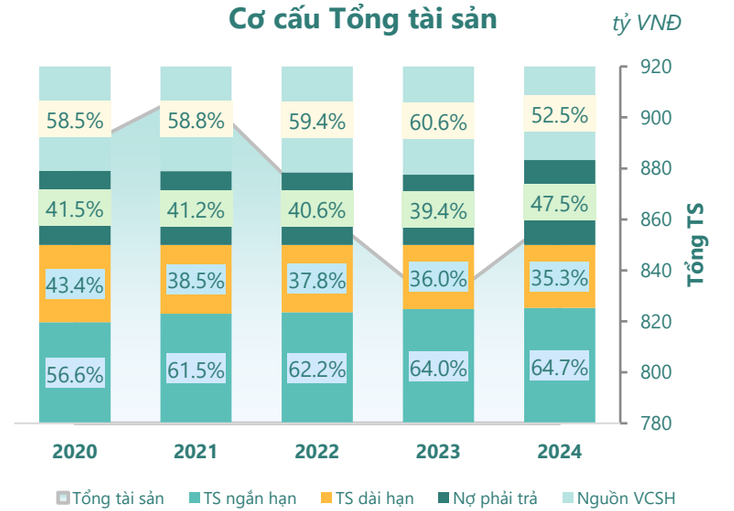
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

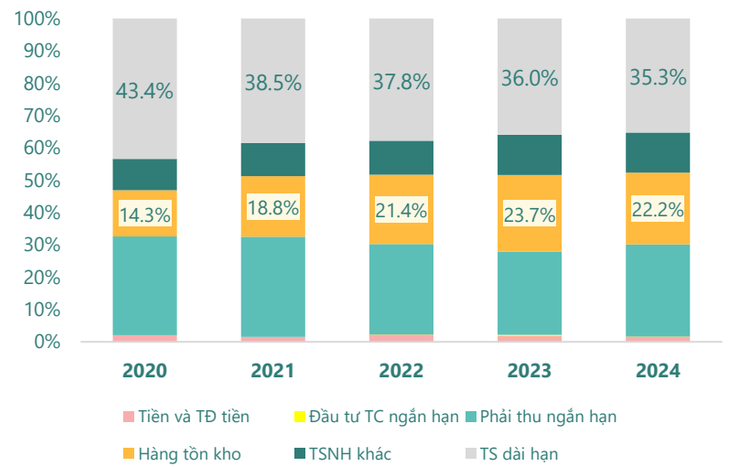
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



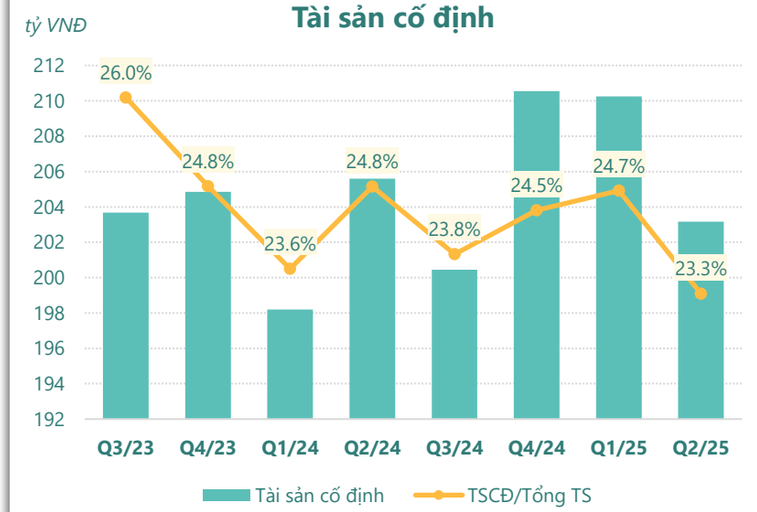
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



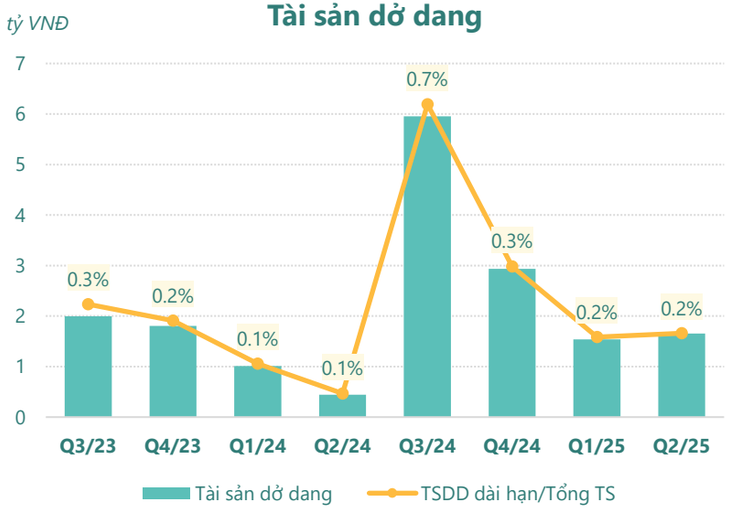
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



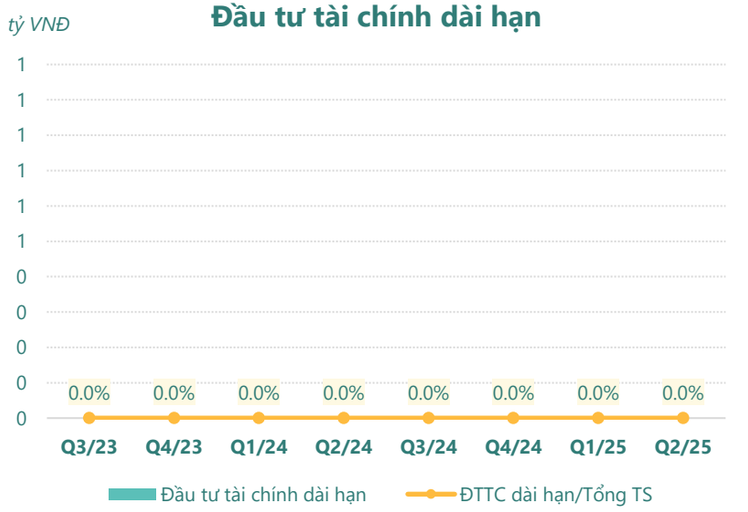
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



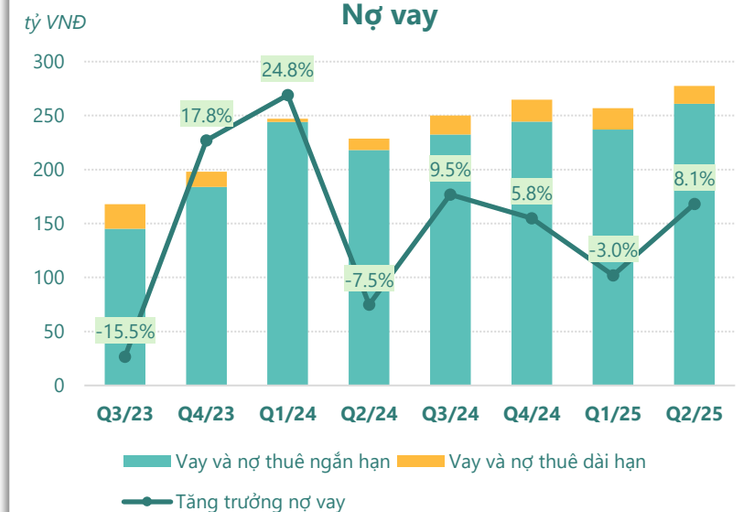
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

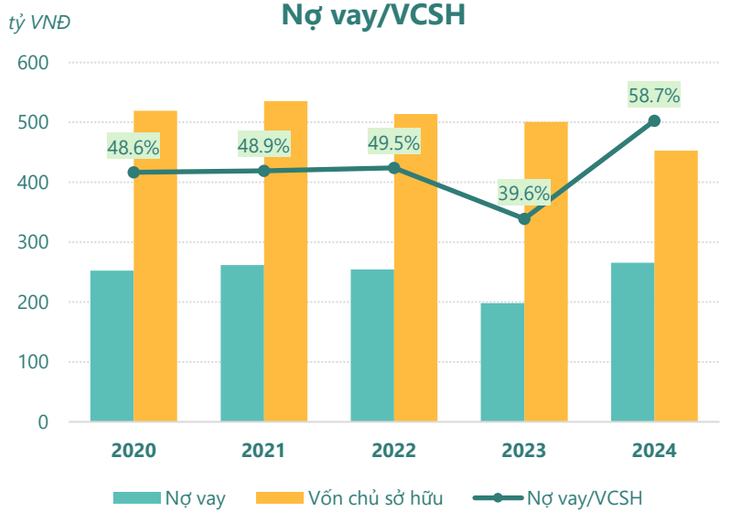
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



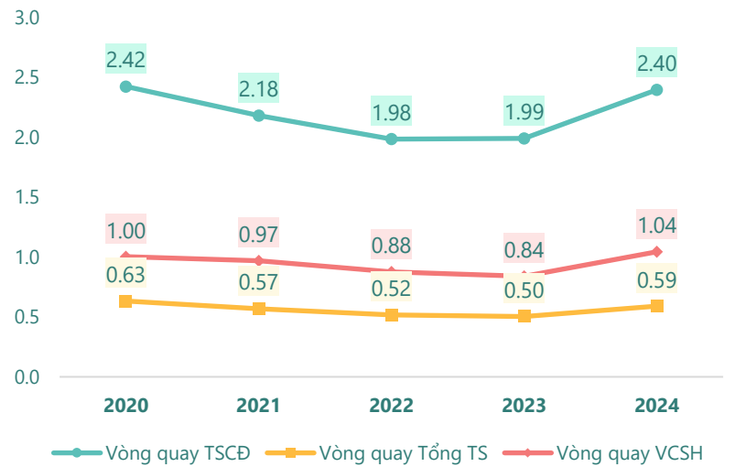
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



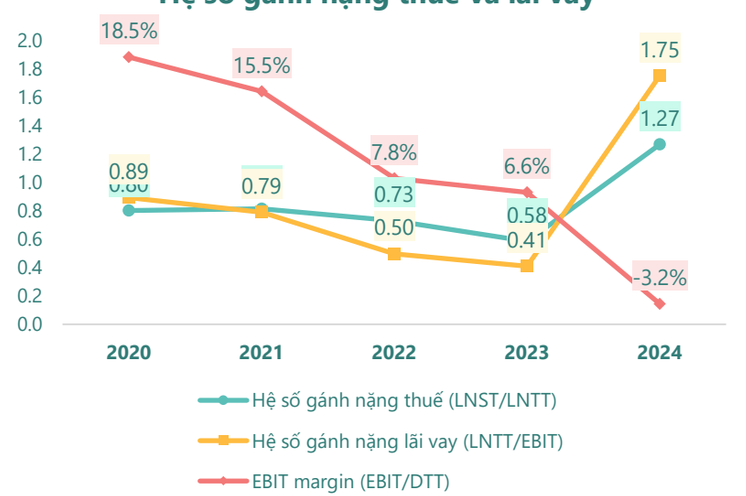
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



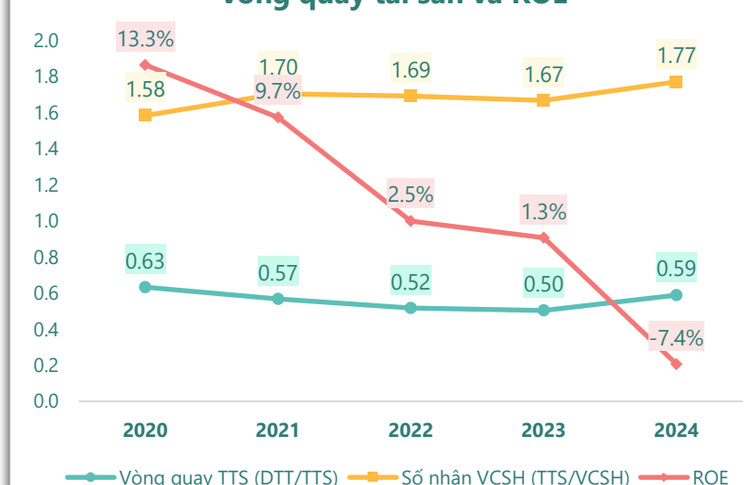
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



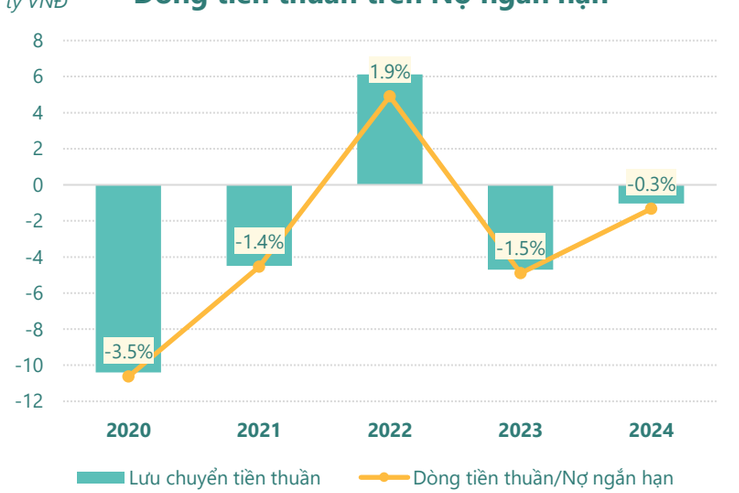
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**128**	**107**	**19.4%**	**238**	**197**	**20.4%**
Giá vốn hàng bán	97.3	77.0	26.4%	189	142	33.5%
Lợi nhuận gộp	30.4	29.6	2.7%	48.8	55.8	-12.6%
Doanh thu HĐTC	1.47	1.83	-19.6%	1.71	2.85	-40.2%
Chi phí TC	4.11	3.19	28.8%	7.80	6.56	18.9%
Chi phí lãi vay	3.98	3.02	31.8%	7.37	5.96	23.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.2	17.4	44.8%	40.1	35.9	11.8%
Chi phí QLDN	**13.4**	**11.9**	**12.8%**	**25.4**	**23.3**	**9.1%**
LN thuần từ HĐKD	-10.9	-1.06	-924%	-22.8	-7.07	-223%
Lợi nhuận khác	**0.24**	**-1.59**	**115%**	**-0.01**	**-1.52**	**99.4%**
LN trước thuế	-10.6	-2.66	-299%	-22.9	-8.59	-166%
Lợi nhuận sau thuế	**-13.1**	**-4.59**	**-184%**	**-25.6**	**-11.2**	**-129%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.1**	**-4.59**	**-184%**	**-25.6**	**-11.2**	**-129%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-33.8	15.3	-2.37	-11.1	14.7	-12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.46	4.15	-5.88	-1.96	-5.35	-1.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	47.0	-30.7	14.1	6.87	-10.9	20.6
Tiền đầu kỳ	14.9	25.6	14.3	20.2	13.9	12.3
Lưu chuyển tiền thuần	**10.7**	**-11.3**	**5.83**	**-6.23**	**-1.56**	**6.69**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.01	0.00	-0.14	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	25.6	14.3	20.2	13.8	12.3	19.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**873**	**862**	**1.2%**
Tài sản ngắn hạn	576	558	3.2%
Tiền và tương đương tiền	19.0	13.9	36.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	242	246	-1.7%
Hàng tồn kho	208	192	8.6%
Tài sản ngắn hạn khác	107	107	0.5%
Tài sản dài hạn	**297**	**304**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	3.77	3.91	-3.7%
Tài sản cố định	203	211	-3.5%
Bất động sản đầu tư	35.9	36.7	-2.3%
Tài sản dở dang	1.66	2.94	-43.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**52.7**	**50.2**	**5.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	451	410	10.1%
Nợ ngắn hạn	**434**	**391**	**11.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	261	248	5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.4	63.8	27.5%
Nợ dài hạn	17.2	18.6	-7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.7	18.0	-7.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**422**	**453**	**-6.8%**
Vốn chủ sở hữu	**422**	**453**	**-6.8%**
Vốn điều lệ	274	274	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)